

NGÀNH ĐẠO DIỄN SÂN KHẤU

Kỳ thi từ ngày 29/7/2025 đến ngày 30/7/2025

STT	SBD	HỌ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	Năm TN THPT	Khu vực	Điểm KV	Đối tượng	Điểm ĐT	Điểm Diễn tiểu phẩm (Hệ số 2)	Điểm Tiếng nói, nhạc cảm (Hệ số 1)	TỔNG ĐIỂM <i>(chưa có điểm ưu tiên)</i>	TỔNG ĐIỂM	TRÚNG TUYỂN <i>(Điểm chuẩn 21.0)</i>	GHI CHÚ
							(1)		(2)	(3)	(4)	[(3)*2]+(4)	(1)+(2)+[(3)*2]+(4)		
1	25CVN064	KIỀU CHÍ CÔNG	Nam	22/10/2002	2020	KV2-NT	0.5	ĐT03	2	7.75	7.75	23.25	25.75	TT	
2	25CVN122	NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	Nữ	19/04/1999	2017	KV3	0	Không có	0	7.25	7.25	21.75	21.75	TT	
3	25CVN172	NGUYỄN KHẮC HÙNG	Nam	09/12/2007	2025	KV2	0.25	Không có	0	7	7	21	21.25	TT	
4	25CVN182	ĐOÀN VĂN KIỆT	Nam	03/03/2000	2018	KV2	0.25	Không có	0	7	7	21	21.25	TT	
5	25CVN242	PHẠM THỊ THÙY LINH	Nữ	15/07/2003	2021	KV2	0.25	Không có	0	7	7	21	21.25	TT	
6	25CVN260	TRẦN THỊ TUYẾT MINH	Nữ	28/04/2004	2022	KV2	0.25	Không có	0	7	7	21	21.25	TT	
7	25CVN301	HÀ NGUYỄN LINH NHÂN	Nam	02/12/2007	2025	KV2	0.25	Không có	0	7	7	21	21.25	TT	
8	25CVN329	PHẠM CHÍ PHẢI	Nam	24/02/2007	2025	KV2-NT	0.5	Không có	0	7	7	21	21.5	TT	
9	25CVN339	NGUYỄN NHẬT PHI	Nam	16/10/1998	2016	KV1	0.75	Không có	0	7.5	7.5	22.5	23.25	TT	
10	25CVN421	HUỖNH QUANG TÚ	Nam	01/04/2000	2018	KV3	0	Không có	0	7	7	21	21	TT	
11	25CVN425	TRẦN QUỐC TUẤN	Nam	04/07/1980	1998	KV2	0.25	Không có	0	8	8	24	24.25	TT	
12	25CVN430	LÊ THỊ THANH TUYỀN	Nữ	13/05/1990	2008	KV2	0.25	Không có	0	8	7.5	23.5	23.75	TT	
13	25CVN497	NGUYỄN THỊ HẰNG TRÂM	Nữ	13/06/2006	2024	KV2-NT	0.5	Không có	0	7	7	21	21.5	TT	
14	25CVN532	NGUYỄN PHƯƠNG VI	Nữ	10/10/2007	2025	KV2-NT	0.5	Không có	0	7	7	21	21.5	TT	
15	25CVN562	NGUYỄN NHƯ Ý	Nữ	19/07/2006	2024	KV3	0	Không có	0	7	7	21	21	TT	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 8 năm 2025

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĂN HÓA NGHỆ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH